TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 46 /2018/HNGĐ- ST
Ngày: 06/9/2018.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên
Ông Đào Xuân Thịnh
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 83/2018/TLST- HNGĐ ngày 16/4/2018 về " *Tranh chấp HN&GĐ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/ 7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST/HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị A, sinh năm 1991 (có mặt)
Cư trú tại: thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

***Bị đơn*:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 (vắng mặt không có lý do chính đáng)
Cư trú tại: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/4/2018 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Phạm Thị A trình bày: Chị và anh H kết hôn ngày 06 tháng 02 năm 2017, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 5 năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không tôn trọng chị, coi thường chị và bố mẹ chị. Ngoài ra nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh H có quan hệ ngoại tình, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh H không quan tâm đến chị. Cuối năm 2017, chị bàn bạc với anh H tìm biện pháp khắc phục nhưng anh H không đồng ý. Việc anh H như vậy, chị khuyên bảo, hai gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả.

Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế và chị về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 1/2018 đến nay. Thời gian chị về nhà mẹ đẻ ở, anh H không gọi chị về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị A xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự. Sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự, anh H đi làm ăn ở đâu địa phương không rõ, không cắt chuyển khẩu và không làm thủ tục tạm vắng tạm trú. Tòa án 02 lần niêm yết Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H đều cố tình trốn tránh khai báo, không chấp hành theo giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS, từ bỏ quyền của mình.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, Căn cứ các Điều 51,53, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Quan hệ vợ chồng: chị Phạm Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn H

- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về lệ phí, án phí tòa án buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự; Sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự anh H đi vào Miền Nam làm ăn. Kết quả xác minh gia đình, địa phương cung cấp, hiện anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện Y, anh chưa cắt chuyển khẩu hay làm thủ tục tạm vắng tạm trú đi đâu. Anh H đi đâu không thông báo kịp thời cho chị A và Tòa án về việc thay đổi nơi cư trú. Tòa án 02 lần niêm yết giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,

anh H đều cố tình trốn tránh, không chấp hành theo giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 30 tháng 7 năm 2018, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành giao niêm yết 02 lần giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H đều vắng mặt. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192, Khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Chị A và anh H kết hôn ngày 06 tháng 02 năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 5 năm 2017 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không tôn trọng chị A và gia đình, anh H có quan hệ ngoại tình. Sự việc như vậy cuối năm 2017 chị A bàn bạc với anh H để có biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả. Chị A về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 1 năm 2018 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, anh H muốn vào miền Nam làm ăn nhưng chị A không muốn, chị A về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2018 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị A và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị A xác định không có, nay không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị A phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điểm e Khoản 1 Điều 192, các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn H

2. Về Con chung: Vợ chồng chưa có con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị A phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0001643 ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị A đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong

hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án./

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Đ.

Bùi Thị Hương